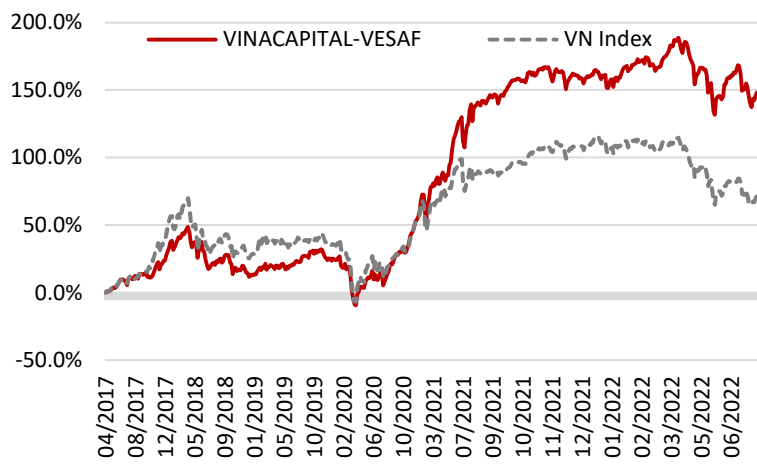


VINACAPITAL-VESAF

Chiến lược đầu tư

Tối đa hóa lợi nhuận đầu tư từ trung đến dài hạn bằng cách tập trung chủ yếu vào các cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ có tiềm năng tăng trưởng lợi nhuận cao, dòng tiền kinh doanh ổn định và mức định giá thấp; các cổ phiếu được nhà đầu tư nước ngoài quan tâm nhưng hết room ngoại.

Tăng trưởng NAV từ ngày thành lập



Dữ liệu trên là kết quả đầu tư trong quá khứ và không phản ánh hiệu quả đầu tư trong tương lai. Lợi nhuận đầu tư và vốn đầu tư sẽ thay đổi do đó Quý nhà đầu tư có thể lời hoặc lỗ khi bán chứng chỉ quỹ. Kết quả đầu tư hiện tại có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị thể hiện ở trên.

Hiệu suất đầu tư của quỹ VESAF

	VINACAPITAL-VESAF	VN-Index
Tổng tài sản (tỷ VNĐ)	1,214.7	
Giá trị tài sản ròng/CCQ (VNĐ)	24,358.2	
Lợi nhuận tháng 06/2022 (%)	(5.8)	(7.4)
Lợi nhuận từ đầu năm 2022 (%)	(6.8)	(20.1)
Lợi nhuận trung bình 3 năm (%)	26.7	8.0
Lợi nhuận trung bình hàng năm từ khi thành lập (%)	18.7	10.6
Lợi nhuận từ ngày thành lập (%)	143.6	68.8

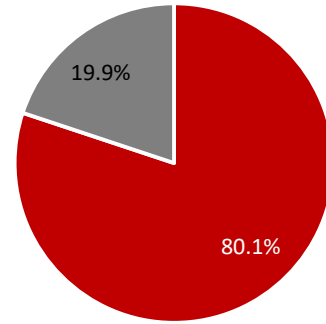
(Giá trị tài sản ròng của quỹ đã trừ đi các chi phí vận hành và phí quản lý)

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư: irwm@vinacapital.com

Tel: +84 28 38 27 85 35

Phân bổ tài sản

% Giá trị tài sản ròng



■ Cổ phiếu ■ Tiền và tương đương tiền

Thông tin quỹ

Ngày thành lập	18/04/2017
Phí quản lý	1.75%/năm
Phí phát hành	0.0%
Phí mua lại	2.0% < 12 tháng
	1.5% >= 12 tháng
	0.5% >= 24 tháng
Nghân hàng Giám sát và Lưu ký	Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam
Công ty kiểm toán	PwC Việt Nam
Tần suất giao dịch	Hàng ngày, từ thứ Hai đến thứ Sáu
Chỉ số tham chiếu	VN-Index

Chỉ số danh mục cổ phiếu

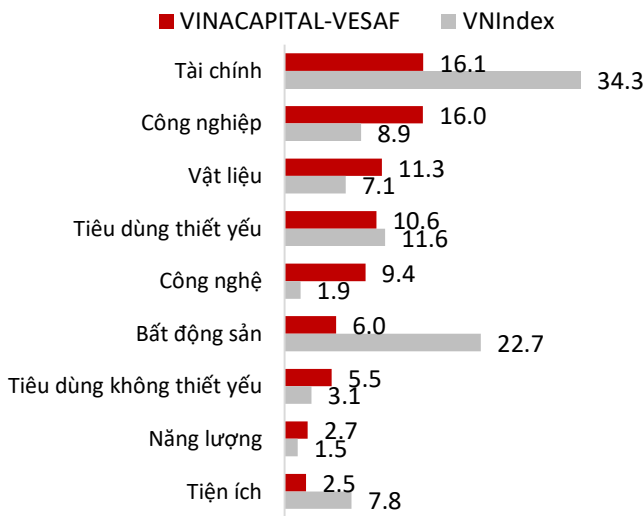
	VINACAPITAL-VESAF	VN-Index
Chỉ số P/E (x) (*)	12.0	13.0
Chỉ số P/B (x) (*)	2.7	2.0
Chỉ số ROE (%) (*)	21.5	15.6
Tỷ suất cổ tức (%)	2.6	1.5
Vòng quay danh mục 12 tháng (%)	22.6	-
Hệ số Sharpe	0.7	0.3
Số lượng cổ phiếu	28.0	403

(*) Số liệu 12 tháng gần nhất

Nguồn: Bloomberg, dự báo của VinaCapital

Phân bổ theo ngành

% Giá trị tài sản ròng



Danh mục đầu tư lớn

Cổ phiếu	Ngành	% Giá trị tài sản ròng
FPT	Công nghệ	9.4
MBB	Tài chính	8.6
MWG	Tiêu dùng không thiết yếu	5.5
QNS	Tiêu dùng thiết yếu	4.2
SZC	Công nghiệp	3.9
DPR	Vật liệu	3.7
KDH	Bất động sản	3.6
FMC	Tiêu dùng thiết yếu	3.2
VHC	Tiêu dùng thiết yếu	3.2
ILB	Công nghiệp	3.1

Cập nhật thị trường và quỹ VINACAPITAL-VESAF

CẬP NHẬT THỊ TRƯỜNG

Chỉ số VN-Index giảm 7,4% trong tháng 6, đóng cửa ở 1.197,6 điểm, ghi nhận 3 tháng giảm liên tiếp. Tính từ đầu năm, VN-Index đã giảm 20,1%.

Thị trường chứng khoán Việt Nam lao dốc sau khi lạm phát Mỹ được công bố tăng 8,6% so với cùng kỳ trong tháng 5, mức cao nhất kể từ tháng 12/1981, khiến Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed) tăng lãi suất thêm 0.75% lên mức 1,5% - 1,75%. Chứng khoán thế giới cũng tiếp tục giảm trong tháng 6 với chỉ số MSCI toàn cầu và S&P 500 giảm 8,6% và 8,4% trong tháng.

Các nhà đầu tư cá nhân trong nước vẫn thận trọng trong việc đầu tư, thể hiện qua giá trị giao dịch trung bình mỗi ngày vẫn ở mức 17,8 nghìn tỷ đồng trong tháng 6, không đổi so với tháng 5 và thấp hơn 42% so với số trung bình trong quý 1/2022. Ở chiều ngược lại, khối ngoại mua ròng 3,3 nghìn tỷ đồng trong tháng 6. Các nhà đầu tư nước ngoài đã mua ròng trong 3 tháng liên tiếp, đưa tổng giá trị mua ròng từ đầu năm lên 4,2 nghìn tỷ đồng. Số liệu kinh tế của Việt Nam trong quý 2 tốt hơn nhiều so với kỳ vọng. GDP tăng trưởng 7,7% so với cùng kỳ trong quý 2, đưa tăng trưởng 6 tháng đầu năm lên 6,4%, so với chỉ 5,7% trong 6 tháng đầu năm 2021. Số liệu của riêng tháng 6 cũng ấn tượng. Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 11,5% so với cùng kỳ trong tháng 6 và 8,7% trong nửa đầu năm. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tăng đến 27,3% trong tháng 6, đưa tăng trưởng trong nửa đầu năm lên 11,7%, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 7,9%. Có một chút lo ngại về lạm phát khi chỉ số CPI tháng 6 tăng 0,7% so với tháng 5, trong khi CPI so với cùng kỳ năm trước được giữ ở mức 3,4%.

Mặc dù những biến động của thị trường chứng khoán trong ngắn hạn có thể chưa kết thúc sớm do Fed vẫn còn tăng lãi suất và tâm lý nhà đầu tư trong nước bị ảnh hưởng bởi những vi phạm gần đây trên thị trường chứng khoán và các quy định chặt chẽ hơn đối với lĩnh vực bất động sản, chúng tôi giữ nguyên quan điểm rằng với P/E năm 2022 là 11.8 lần, mức định giá hiện tại của thị trường chứng khoán Việt Nam là hấp dẫn cho đầu tư dài hạn. Trong thời gian tới, nhà đầu tư có thể kỳ vọng vào việc Ngân hàng nhà nước cấp thêm quota về tăng trưởng tín dụng và tình hình lạm phát sẽ dịu bớt. Tính đến ngày 6/7, chỉ số giá hàng hóa Bloomberg đã giảm 19% so với mức đỉnh khoảng 1 tháng trước đây.

CẬP NHẬT VINACAPITAL-VESAF

VINACAPITAL-VESAF giảm 5,8% trong tháng 6 khi thị trường tiếp tục giảm điểm ở hầu hết các nhóm cổ phiếu, tuy nhiên tính từ đầu năm, VINACAPITAL-VESAF vẫn đang giữ một hiệu suất cao hơn nhiều so với VN-Index, nhờ chiến lược giảm tỷ trọng cổ phiếu nhóm ngân hàng, chứng khoán và một số ngành nhạy cảm với biến động vĩ mô trong điều kiện còn nhiều yếu tố khó dự báo.

DGC là một cổ phiếu đi ngược thị trường trong tháng 6, với mức tăng 13,1%, cao hơn nhiều so với các cổ phiếu cùng ngành. Công ty đang được kỳ vọng đạt tăng trưởng lợi nhuận quý 2 cao hơn gấp 6 lần so với cùng kỳ, đồng thời cũng cao hơn lợi nhuận của quý 1 năm nay khoảng 30%, nhờ giá bán sản phẩm chính (P4) neo ở mức cao. Chúng tôi ước tính lợi nhuận cả năm 2022 của DGC tăng gấp 3 lần so với năm trước. Nhìn dài hạn hơn, DGC có lợi thế cạnh tranh khi đang chiếm 25% thị phần xuất khẩu sản phẩm này, với tiềm năng mở rộng danh mục sang những sản phẩm có giá trị cao hơn để tăng biên lợi nhuận. Ngoài ra, các dự án mới ở Nghi Sơn hay Đắc Nông dự kiến đi vào hoạt động từ 2023 trở đi cũng là động lực tăng trưởng dài hạn của công ty. DGC đặt mục tiêu tăng trưởng tham vọng với doanh thu chạm mốc 2 tỷ USD sau 2025.

Mặc dù giữ một quan điểm khá thận trọng về thị trường chứng khoán trong ngắn hạn, nhưng sự sụt giảm vừa rồi của thị trường đã tạo ra cơ hội để chúng tôi mua vào những cổ phiếu trong danh mục ở một mức định giá hấp dẫn. Trong tháng 6, VESAF tiếp tục tái cấu trúc danh mục, thông qua việc tăng tỷ trọng MBB (ngân hàng), BWE (nước), SZC (khu công nghiệp), ILB (kho bãi) và PVS (dầu khí), đồng thời bán CTG và giảm tỷ trọng REE (điện).

Lợi nhuận hàng tháng

	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	Lợi nhuận từ đầu năm
2020	-3.8%	-1.3%	-23.5%	15.0%	6.3%	-1.3%	-1.4%	12.8%	5.2%	1.2%	11.0%	9.0%	25.6%
2021	1.2%	12.5%	1.4%	3.4%	14.1%	6.3%	-1.2%	6.2%	3.7%	6.7%	0.0%	-0.7%	67.0%
2022	-0.8%	4.9%	3.9%	-5.6%	-2.9%	-5.8%							-6.8%

Thông tin quan trọng

Những thông tin trong đây do Công ty cổ phần quản lý Quỹ VinaCapital ("Công ty") soạn thảo và có thể được cập nhật, hoàn chỉnh, sửa đổi, điều chỉnh và xác nhận thêm mà không cần phải thông báo.

Thông tin không cấu thành hoặc hình thành nên một phần của bất kỳ chào bán nào hoặc ga găm mua hoặc đăng ký mua bất kỳ cổ phiếu nào cũng như không tạo thành cơ sở hoặc liên quan đến hoặc hành động như là sự thuyết phục tham gia vào bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết dưới bất kỳ hình thức nào. Đối với những thông tin dự báo dựa trên việc ước lượng hoặc ý kiến của Công ty tại thời điểm thông tin được đưa ra, Công ty sẽ không có nghĩa vụ xác nhận hoặc cập nhật những thông tin trong tương lai nếu sự ước lượng hoặc ý kiến về tình huống hoặc quản lý thay đổi.